

## **CHƯƠNG 3**

### **PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI**

#### **MỤC A**

#### **THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ VÀ THUẾ ĐỐI KHÁNG**

##### **ĐIỀU 3.1**

###### **Các điều khoản chung**

1. Các Bên khẳng định quyền và nghĩa vụ của mình phát sinh theo Điều VI Hiệp định GATT 1994, Hiệp định Chống bán phá giá, và Hiệp định SCM.
2. Các Bên, công nhận rằng các biện pháp chống bán phá giá và đối kháng có thể bị lạm dụng để cản trở thương mại, thỏa thuận rằng:
  - (a) các biện pháp phòng vệ thương mại nên được sử dụng tuân thủ hoàn toàn theo các yêu cầu tương ứng của WTO và nên dựa trên một hệ thống công bằng và minh bạch; và
  - (b) nên cân nhắc kỹ lưỡng lợi ích của Bên kia nếu một Bên đang cân nhắc áp dụng những biện pháp này.
3. Vì mục đích của Mục này, xuất xứ sẽ được xác định theo Điều 1 Hiệp định về Quy tắc xuất xứ.

##### **ĐIỀU 3.2**

###### **Minh bạch hóa**

1. Không ảnh hưởng đến Điều 6.5 Hiệp định Chống bán phá giá và Điều 12.4 Hiệp định Chống trợ cấp và các biện pháp đối kháng, các Bên phải đảm bảo rằng, ngay sau khi bất kỳ biện pháp tạm thời nào được áp dụng và trong mọi trường hợp trước khi quyết định cuối cùng được ban hành, sẽ công bố một cách đầy đủ và có ý nghĩa toàn bộ các dữ liệu thực tế chủ yếu và các cân nhắc làm cơ sở để đưa ra quyết định áp dụng các biện pháp. Việc công bố này phải được thực hiện bằng văn bản và cho phép các bên liên quan có đủ thời gian để bình luận.

2. Mỗi bên liên quan phải có cơ hội thể hiện quan điểm của mình trong quá trình điều tra phòng vệ thương mại với điều kiện là việc này không làm trì hoãn tiến trình điều tra một cách không cần thiết.

### ĐIỀU 3.3

#### Xem xét lợi ích công cộng

Một Bên không được áp dụng các biện pháp chống bán phá giá hoặc đối kháng khi, dựa trên các thông tin có sẵn trong quá trình điều tra, có thể kết luận rõ ràng rằng việc áp dụng các biện pháp đó sẽ không phù hợp với lợi ích công cộng. Để xác định lợi ích công cộng, Bên đó phải xem xét hoàn cảnh của ngành sản xuất trong nước, các nhà nhập khẩu và các hiệp hội đại diện, người sử dụng đại diện và các tổ chức đại diện cho người tiêu dùng, dựa trên các thông tin có liên quan đã cung cấp cho cơ quan điều tra.

### ĐIỀU 3.4

#### Quy tắc thuế suất thấp hơn

Thuế chống bán phá giá hoặc thuế đối kháng áp dụng bởi một Bên không được vượt quá biên độ phá giá hoặc biên độ trợ cấp đối kháng, và Bên đó sẽ nỗ lực đảm bảo rằng mức thuế này thấp hơn biên độ đó nếu mức thuế thấp hơn này là đủ để loại bỏ thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước.

### ĐIỀU 3.5

#### Loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp

Các điều khoản của Mục này không thuộc đối tượng của Chương 15 (Giải quyết tranh chấp).

## MỤC B

### CÁC BIỆN PHÁP TỰ VỆ TOÀN CẦU

### ĐIỀU 3.6

#### Các Điều khoản chung

1. Các Bên khẳng định các quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều XIX Hiệp định GATT 1994, Hiệp định về Tự vệ và Điều 5 Hiệp định về Nông nghiệp.
2. Không Bên nào được áp dụng đối với cùng một loại hàng hóa trong cùng một thời điểm:

- (a) một biện pháp tự vệ song phương theo Mục C (Điều khoản tự vệ song phương) của Hiệp định này; và
  - (b) một biện pháp theo Điều XIX Hiệp định GATT 1994 và Hiệp định Tự vệ.
3. Vì mục đích của Mục này, xuất xứ phải được xác định theo Điều 1 Hiệp định về Quy tắc xuất xứ.

### ĐIỀU 3.7

#### Minh bạch hóa

1. Mặc dù đã có Điều 3.6 (Các điều khoản chung), theo yêu cầu của Bên kia và nếu như Bên đó có lợi ích đáng kể, khi khởi xướng một vụ điều tra tự vệ toàn cầu, Bên khởi xướng điều tra vụ việc tự vệ đó hoặc có ý định tiến hành các biện pháp tự vệ phải ngay lập tức thông báo tạm thời bằng văn bản về tất cả các thông tin phù hợp dẫn đến việc khởi xướng điều tra tự vệ toàn cầu và, tùy từng trường hợp, dẫn đến việc đề xuất áp dụng các biện pháp tự vệ toàn cầu, bao gồm các kết luận tạm thời, tùy từng trường hợp. Việc này không ảnh hưởng đến Điều 3.2 Hiệp định Tự vệ.
2. Khi áp dụng các biện pháp tự vệ toàn cầu, các Bên phải nỗ lực áp dụng theo cách thức gây ảnh hưởng ít nhất tới thương mại song phương.
3. Vì mục đích của khoản 2, nếu một Bên xem xét rằng các yêu cầu pháp lý để áp dụng các biện pháp tự vệ cuối cùng đã được đáp ứng, Bên dự định áp dụng các biện pháp đó phải thông báo cho Bên kia và cho phép khả năng tổ chức tham vấn song phương. Nếu không đạt được giải pháp thỏa đáng trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo, Bên nhập khẩu có thể thực hiện các biện pháp tự vệ chính thức. Khả năng tiến hành tham vấn cũng cần phải được đề xuất cho Bên kia nhằm trao đổi quan điểm về các thông tin được dẫn chiếu tại khoản 1.

### ĐIỀU 3.8

#### Loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp

Các điều khoản của Mục này liên quan đến quyền và nghĩa vụ WTO không thuộc đối tượng của Chương 15 (Giải quyết tranh chấp).

### MỤC C

#### ĐIỀU KHOẢN TỰ VỆ SONG PHƯƠNG

### ĐIỀU 3.9

#### Định nghĩa

Vì mục đích của Mục này:

- (a) “ngành sản xuất trong nước” sẽ được hiểu phù hợp với tiêu đoạn 1(c) Điều 4 của Hiệp định Tự vệ, theo đó, tiêu đoạn 1(c) Điều 4 của Hiệp định Tự vệ được tích hợp và trở thành một phần của Hiệp định này, *với những sửa đổi phù hợp*;
- (b) “thiệt hại nghiêm trọng” và “đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng” sẽ được hiểu phù hợp với tiêu đoạn 1(a) và 1(b) Điều 4 của Hiệp định Tự vệ; theo đó, tiêu đoạn 1(a) và 1(b) Điều 4 được tích hợp và trở thành một phần của Hiệp định này, *với những sửa đổi phù hợp*; và
- (c) “giai đoạn chuyển tiếp” nghĩa là giai đoạn 10 năm kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực.

### ĐIỀU 3.10

#### Áp dụng một biện pháp tự vệ song phương

1. Nếu, do kết quả của việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan theo Hiệp định này, bất kỳ một loại hàng hóa nào có xuất xứ từ lãnh thổ của một Bên được nhập khẩu vào lãnh thổ của Bên kia với lượng gia tăng xét về giá trị tuyệt đối hoặc tương đối so với sản xuất trong nước, và trong tình trạng gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước của hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp, Bên nhập khẩu có thể áp dụng các biện pháp được quy định tại khoản 2 phù hợp với các điều kiện và thủ tục nêu ra tại Mục này chỉ trong giai đoạn chuyển tiếp, ngoại trừ được quy định khác theo tiêu đoạn 6(c) Điều 3.11 (Các điều kiện và hạn chế).
2. Bên nhập khẩu có thể áp dụng biện pháp tự vệ song phương bằng cách:
  - (a) đình chỉ mức cắt giảm hơn nữa thuế quan đối với hàng hóa liên quan theo quy định tại Phụ lục 2-A (Xóa bỏ thuế quan); hoặc
  - (b) tăng thuế suất hải quan đối với hàng hóa tới mức không vượt quá mức nhỏ hơn của:
    - (i) mức thuế suất áp dụng MFN với hàng hóa có hiệu lực tại thời điểm biện pháp tự vệ được áp dụng; hoặc
    - (ii) mức thuế cơ sở được xác định trong các biểu thuế bao gồm trong Phụ lục 2-A (Cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan) căn cứ theo Điều 2.7 (Cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan).

### ĐIỀU 3.11

#### Các điều kiện và hạn chế

1. Một Bên chỉ được áp dụng một biện pháp tự vệ song phương sau khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra tuân thủ theo các Điều 3 và điểm 2(c) Điều 4 của Hiệp định Tự vệ. Theo đó, Điều 3 và điểm 2(c) Điều 4

- của Hiệp định Tự vệ được tích hợp và trở thành một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi phù hợp.
2. Một Bên phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia việc khởi xướng một vụ việc điều tra được mô tả trong khoản 2 và tham vấn với Bên kia sớm nhất có thể trước khi áp dụng một biện pháp tự vệ song phương nhằm rà soát các thông tin phát sinh từ vụ điều tra và trao đổi quan điểm về biện pháp tự vệ.
  3. Trong cuộc điều tra được mô tả tại khoản 2, Bên đó phải tuân thủ các yêu cầu của điểm 2(a) Điều 4 của Hiệp định Tự vệ. Theo đó, điểm 2(a) Điều 4 của Hiệp định Tự vệ được tích hợp và trở thành một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi phù hợp.
  4. Cuộc điều tra cũng phải chứng minh, dựa trên bằng chứng khách quan, sự tồn tại của mối quan hệ nhân quả giữa sự gia tăng nhập khẩu và thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng từ đó. Cuộc điều tra cũng phải xem xét đến sự tồn tại của tất cả các yếu tố khác ngoài sự gia tăng nhập khẩu mà cũng có thể gây ra thiệt hại tại thời điểm đó.
  5. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng các cơ quan có thẩm quyền hoàn tất cuộc điều tra theo khoản 1 trong vòng một năm kể từ khi khởi xướng điều tra.
  6. Một Bên không được áp dụng một biện pháp tự vệ song phương:
    - (a) ngoại trừ với mức độ, và trong khoảng thời gian cần thiết để ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và để tạo thuận lợi cho việc điều chỉnh;
    - (b) trong khoảng thời gian vượt quá hai năm, trừ khi giai đoạn này có thể được kéo dài tối đa hai năm nếu cơ quan có thẩm quyền của Bên nhập khẩu xác định, phù hợp với thủ tục được nêu tại Điều này, rằng biện pháp tự vệ tiếp tục là cần thiết nhằm ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và nhằm tạo thuận lợi trong việc điều chỉnh và có bằng chứng rằng ngành sản xuất đang điều chỉnh, với điều kiện tổng thời gian áp dụng một biện pháp tự vệ, bao gồm giai đoạn áp dụng ban đầu và bất kỳ khoảng thời gian gia hạn nào, không được vượt quá 4 năm; hoặc
    - (c) vượt quá thời hạn của giai đoạn chuyển đổi, trừ khi có được sự đồng thuận của Bên kia.
  7. Để tạo thuận lợi cho sự điều chỉnh trong trường hợp thời gian dự kiến của một biện pháp tự vệ song phương vượt quá hai năm, Bên áp dụng biện pháp tự vệ phải tiến hành tự do hóa dần dần biện pháp tự vệ đó qua từng giai đoạn đều đặn trong thời gian áp dụng.
  8. Khi một Bên chấm dứt một biện pháp tự vệ song phương, mức thuế suất sẽ là mức thuế đáng lẽ có hiệu lực nếu không có biện pháp tự vệ, theo Biểu cam kết của Bên đó trong Phụ lục 2-A (Cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan).

## ĐIỀU 3.12

### Các biện pháp tạm thời

Trong những hoàn cảnh đặc biệt khi sự trì hoãn có thể gây ra tác hại khó có thể khắc phục được, một Bên có thể áp dụng một biện pháp tự vệ song phương trên cơ sở tạm thời căn cứ theo một quyết định sơ bộ rằng có bằng chứng rõ ràng rằng việc nhập khẩu một hàng hóa có xuất xứ từ Bên kia đã tăng do kết quả của việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan theo Hiệp định này, và việc nhập khẩu đó gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng tới ngành sản xuất trong nước. Khoảng thời gian áp dụng bất kỳ biện pháp tự vệ tạm thời nào không được vượt quá 200 ngày, trong thời gian này Bên đó phải tuân thủ các yêu cầu tại các khoản 1 và 3 của Điều 3.11 (Các điều kiện và hạn chế). Bên đó phải nhanh chóng hoàn trả lại bất kỳ mức tăng thuế nếu việc điều tra được mô tả tại khoản 1 của Điều 3.11 (Các điều kiện và hạn chế) không dẫn đến việc kết luận rằng các yêu cầu tại khoản 1 Điều 3.10 (Áp dụng một biện pháp tự vệ song phương) được đáp ứng. Thời hạn của biện pháp tự vệ tạm thời bất kỳ phải được tính là một phần của khoảng thời gian được quy định tại tiểu đoạn 6(b) Điều 3.11 (Các điều kiện và hạn chế).

## ĐIỀU 3.13

### Bồi thường

1. Một Bên áp dụng một biện pháp tự vệ song phương phải tham vấn với Bên kia nhằm thống nhất mức bồi thường tự do hóa thương mại thỏa đáng dưới hình thức các ưu đãi có tác động thương mại tương ứng một cách đáng kể tới các biện pháp phòng vệ song phương hoặc tương ứng với trị giá các mức thuế bổ sung được dự đoán phát sinh từ biện pháp tự vệ. Bên đó phải dành cơ hội để tham vấn không muộn hơn 30 ngày sau khi áp dụng biện pháp tự vệ song phương.
2. Nếu việc tham vấn theo khoản 1 không đạt được thỏa thuận về bồi thường tự do hóa thương mại trong vòng 30 ngày sau khi bắt đầu tham vấn, Bên có hàng hóa bị áp dụng biện pháp tự vệ song phương có thể đình chỉ các ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ từ Bên áp dụng biện pháp tự vệ có tác động thương mại tương đương một cách đáng kể với biện pháp tự vệ. Nghĩa vụ của Bên áp dụng biện pháp tự vệ song phương trong việc đưa ra khoản bồi thường và quyền của Bên kia trong việc trì hoãn các ưu đãi theo khoản này phải được chấm dứt vào ngày kết thúc biện pháp tự vệ song phương đó.
3. Quyền đình chỉ được dẫn chiếu tại khoản 2 không được áp dụng trong 24 tháng đầu tiên khi một biện pháp tự vệ song phương đang có hiệu lực, với điều kiện biện pháp tự vệ đó phù hợp với các điều khoản của Hiệp định này.

## ĐIỀU 3.14

### Sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh

Nhằm đảm bảo hiệu quả tối đa cho việc áp dụng các quy tắc phòng vệ thương mại theo Chương này, các cơ quan điều tra của các Bên phải sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh làm cơ sở giao tiếp và các văn bản được trao đổi về các vụ điều tra phòng vệ thương mại giữa các Bên.